

BỘ TÀI CHÍNH**BỘ TÀI CHÍNH****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 87/2007/QĐ-BTC

Hà Nội, ngày 22 tháng 10 năm 2007

QUYẾT ĐỊNH**về việc ban hành Quy chế đăng ký, lưu ký, bù trừ và
thanh toán chứng khoán****BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI CHÍNH**

Căn cứ Luật chứng khoán số 70/2006/QH11 được Quốc Hội thông qua ngày 29/6/2006;

Căn cứ Nghị định số 77/2003/NĐ-CP ngày 01/7/2003 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Theo đề nghị của Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước,

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế đăng ký, lưu ký, bù trừ và thanh toán chứng khoán.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực

sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo, thay thế Quyết định số 60/2004/QĐ-BTC ngày 15/7/2004 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc ban hành Quy chế đăng ký, lưu ký, bù trừ và thanh toán chứng khoán.

Điều 3. Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Chánh văn phòng Bộ, Thủ trưởng các đơn vị liên quan thuộc Bộ Tài chính, Giám đốc Trung tâm lưu ký chứng khoán, Thành viên lưu ký và các tổ chức, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Trần Xuân Hà

Quy chế

đăng ký, lưu ký, bù trừ và thanh toán chứng khoán

(ban hành kèm theo Quyết định số 87/2007/QĐ-BTC ngày 22 tháng 10 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định nguyên tắc, nội dung liên quan đến hoạt động đăng ký, lưu ký, bù trừ và thanh toán chứng khoán đối với Trung tâm lưu ký chứng khoán (sau đây gọi tắt là TTLKCK), thành viên của TTLKCK, tổ chức phát hành, Ngân hàng thanh toán và các khách hàng đăng ký, lưu ký chứng khoán.

Điều 2. Giải thích thuật ngữ

Trong Quy chế này, các thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Chứng khoán chứng chỉ là chứng khoán được phát hành dưới hình thức chứng chỉ vật chất. Thông tin về việc sở hữu hợp pháp của người sở hữu chứng khoán được ghi nhận trên chứng chỉ chứng khoán.

2. Chứng khoán ghi sổ là chứng khoán được phát hành dưới hình thức bút toán ghi sổ hoặc dữ liệu điện tử. Thông tin về việc sở hữu hợp pháp của người sở hữu

chứng khoán ghi sổ được ghi nhận trên sổ đăng ký người sở hữu chứng khoán.

3. Sổ đăng ký người sở hữu chứng khoán là sổ ghi chép thông tin về người sở hữu chứng khoán do tổ chức phát hành lập và đăng ký với TTLKCK.

4. Người sở hữu chứng khoán là người có tên trên sổ đăng ký chứng khoán tại TTLKCK.

5. Giấy chứng nhận/Sổ chứng nhận sở hữu chứng khoán là văn bản do tổ chức phát hành cấp cho người sở hữu chứng khoán ghi sổ để xác nhận thông tin về việc sở hữu chứng khoán tại một thời điểm nhất định.

6. Thành viên của TTLKCK (thành viên) là thành viên lưu ký và thành viên mở tài khoản trực tiếp tại TTLKCK.

7. Bù trừ song phương là phương thức bù trừ các giao dịch chứng khoán được khớp trong cùng ngày theo từng cặp đối tác giao dịch và theo từng loại chứng khoán để xác định nghĩa vụ thanh toán ròng đối với tiền và chứng khoán của mỗi bên thanh toán.

8. Bù trừ đa phương là phương thức bù trừ các giao dịch chứng khoán được khớp trong cùng ngày giữa tất cả các bên tham gia giao dịch theo từng loại chứng khoán để xác định nghĩa vụ thanh toán ròng đối với tiền và chứng khoán của mỗi bên thanh toán.

9. Nghĩa vụ thanh toán ròng: là số tiền, chứng khoán mà bên thanh toán giao dịch có nghĩa vụ phải thanh toán thực căn cứ vào kết quả bù trừ giao dịch chứng khoán.

10. Ký gửi chứng khoán là việc đưa chứng khoán vào lưu giữ tập trung tại TTLKCK để thực hiện giao dịch.

11. Giấy tờ có giá bao gồm giấy tờ có giá ngắn hạn và giấy tờ có giá dài hạn sử dụng trong các nghiệp vụ thị trường tiền tệ giữa Ngân hàng Nhà nước với các khách hàng lưu ký do Thống đốc Ngân hàng Nhà nước quy định.

12. Ngân hàng thanh toán là ngân hàng được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước (sau đây viết tắt là UBCKNN) lựa chọn để TTLKCK và thành viên của TTLKCK mở tài khoản thanh toán bằng tiền nhằm phục vụ việc thanh toán tiền cho các giao dịch chứng khoán trên Sở giao dịch chứng khoán (sau đây viết tắt là SGDCK), Trung tâm giao dịch chứng khoán (sau đây viết tắt là TTGDCK) và cho các hoạt động thanh toán khác.

13. Hồ sơ hợp lệ là hồ sơ có đầy đủ giấy tờ và có nội dung kê khai đầy đủ theo quy định.

Chương II

ĐĂNG KÝ HOẠT ĐỘNG LƯU KÝ

Điều 3. Điều kiện đăng ký hoạt động lưu ký

Công ty chứng khoán, ngân hàng thương mại muốn đăng ký hoạt động lưu ký phải đáp ứng điều kiện quy định tại Điều 48 của Luật chứng khoán.

Điều 4. Hồ sơ đăng ký hoạt động lưu ký, chi nhánh hoạt động lưu ký

1. Công ty chứng khoán, ngân hàng thương mại nộp cho UBCKNN hồ sơ đăng ký hoạt động lưu ký bao gồm:

a) Giấy đăng ký hoạt động lưu ký chứng khoán (Phụ lục 01/LK ban hành kèm theo Quy chế này);

b) Bản sao Giấy phép thành lập và hoạt động;

c) Bản thuyết minh về cơ sở vật chất, kỹ thuật bảo đảm thực hiện hoạt động lưu ký chứng khoán (Phụ lục 02/LK ban hành kèm theo Quy chế này);

d) Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của năm gần nhất, trừ trường hợp công ty chứng khoán mới thành lập.

2. Công ty chứng khoán, ngân hàng thương mại nộp cho UBCKNN hồ sơ đăng ký chi nhánh hoạt động lưu ký bao gồm:

a) Bản sao Giấy đăng ký hoạt động lưu ký chứng khoán do UBCKNN cấp cho ngân hàng thương mại, công ty chứng khoán;

b) Giấy đăng ký chi nhánh hoạt động lưu ký chứng khoán (Phụ lục 03/LK ban hành kèm theo Quy chế này).

c) Bản thuyết minh về cơ sở vật chất kỹ thuật bảo đảm thực hiện hoạt động lưu ký chứng khoán tại chi nhánh (Phụ lục 02/LK ban hành kèm theo Quy chế này);

d) Giấy ủy quyền cho chi nhánh thực hiện hoạt động lưu ký chứng khoán (Phụ lục 04/LK ban hành kèm theo Quy chế này).

Điều 5. Thời hạn cấp Giấy chứng nhận đăng ký và triển khai hoạt động lưu ký chứng khoán

1. Thời hạn UBCKNN cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký chứng khoán cho ngân hàng thương mại, công ty chứng khoán là mười lăm (15) ngày kể từ ngày UBCKNN nhận được hồ sơ hợp lệ. Trường hợp từ chối, UBCKNN có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

2. Thời hạn UBCKNN chấp thuận cho chi nhánh của ngân hàng thương mại, chi nhánh của công ty chứng khoán cung cấp dịch vụ lưu ký chứng khoán là mười (10) ngày kể từ ngày UBCKNN nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ. Trường hợp từ chối, UBCKNN có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

3. Trong thời hạn mười hai (12) tháng, kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký chứng khoán, công ty chứng khoán, ngân hàng thương mại phải làm thủ tục đăng ký thành viên lưu ký tại TTLKCK và tiến hành hoạt động.

4. Trong thời hạn ba (03) tháng, kể từ ngày chi nhánh được chấp thuận hoạt động lưu ký, công ty chứng khoán, ngân hàng thương mại phải làm thủ tục đăng ký chi nhánh thành viên lưu ký với TTLKCK.

Điều 6. Đình chỉ, thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký

1. Việc đình chỉ, thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký được thực hiện theo quy định tại Điều 51 của Luật chứng khoán.

2. UBCKNN có văn bản chấm dứt hoạt động lưu ký của chi nhánh công ty chứng khoán, ngân hàng thương mại trong các trường hợp:

a) Công ty chứng khoán, ngân hàng thương mại bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký;

b) Không làm thủ tục đăng ký chi nhánh thành viên lưu ký tại TTLKCK theo quy định tại Khoản 4 Điều 5 của Quy chế này;

c) Vi phạm các quy định của TTLKCK và bị thu hồi Giấy chứng nhận chi nhánh thành viên lưu ký.

Chương III

THÀNH VIÊN CỦA TRUNG TÂM LƯU KÝ CHỨNG KHOÁN

Điều 7. Điều kiện đăng ký thành viên lưu ký

1. Công ty chứng khoán, ngân hàng thương mại đăng ký là thành viên lưu ký của TTLKCK phải đáp ứng các điều kiện sau:

a) Có Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký chứng khoán do UBCKNN cấp;

b) Có tối thiểu một thành viên Ban Giám đốc được phân công phụ trách hoạt động lưu ký, đăng ký, thanh toán bù trừ;

c) Có nhân viên nghiệp vụ đã tham gia khóa học nghiệp vụ của TTLKCK;

d) Có quy trình nghiệp vụ, hệ thống cơ sở vật chất và phần mềm đáp ứng được yêu cầu của TTLKCK.

2. Chi nhánh ngân hàng thương mại, công ty chứng khoán muốn đăng ký cung cấp dịch vụ lưu ký chứng khoán phải đáp ứng được các điều kiện sau:

a) Các điều kiện quy định tại điểm b, c và d Khoản 1 Điều này;

b) Được UBCKNN chấp thuận hoạt động lưu ký chứng khoán;

c) Có giấy ủy quyền của ngân hàng thương mại, công ty chứng khoán cho chi nhánh thực hiện hoạt động lưu ký chứng khoán (Phụ lục 04/LK ban hành kèm theo Quy chế này).

3. Tùy điều kiện cụ thể, TTLKCK quy định các điều kiện chấp thuận thành viên lưu ký, chi nhánh thành viên lưu ký khác sau khi được sự chấp thuận của UBCKNN.

Điều 8. Đăng ký thành viên lưu ký, chi nhánh thành viên lưu ký

1. TTLKCK quy định thủ tục đăng ký thành viên lưu ký, chi nhánh thành viên lưu ký.

2. TTLKCK phải gửi báo cáo UBCKNN về việc đăng ký thành viên lưu ký, chi nhánh thành viên lưu ký trong vòng một ngày làm việc kể từ ngày cấp Giấy chứng

nhận thành viên lưu ký, chấp thuận cho chi nhánh của thành viên lưu ký.

Điều 9. Đăng ký thành viên mở tài khoản trực tiếp

1. Các tổ chức sau đây được đăng ký làm thành viên mở tài khoản trực tiếp tại TTLKCK:

- a) Ngân hàng Nhà nước;
- b) Kho bạc Nhà nước;
- c) Tổng công ty đầu tư và kinh doanh vốn Nhà nước;
- d) Các tổ chức tín dụng, bảo hiểm tham gia thị trường trái phiếu do SGDCK, TTGDCK tổ chức;
- e) Trung tâm lưu ký các nước;
- f) Các đối tượng khác theo quy định của TTLKCK.

2. Thành viên mở tài khoản trực tiếp là Ngân hàng Nhà nước mở tài khoản để lưu ký chứng khoán là các loại giấy tờ có giá thuộc sở hữu của chính Ngân hàng Nhà nước và các khách hàng lưu ký của Ngân hàng Nhà nước nhằm phục vụ cho mục đích giao dịch trên thị trường tiền tệ.

3. Các thành viên mở tài khoản trực tiếp quy định tại Điểm b, c và d Khoản 1 Điều này mở tài khoản để lưu ký các chứng khoán thuộc sở hữu của chính mình và

được sử dụng dịch vụ lưu ký, đăng ký, bù trừ và thanh toán của TTLKCK.

4. TTLKCK quy định thủ tục đăng ký làm thành viên mở tài khoản trực tiếp tại TTLKCK.

Điều 10. Hợp đồng cung cấp dịch vụ giữa TTLKCK với thành viên

1. TTLKCK cung cấp dịch vụ cho thành viên của TTLKCK trên cơ sở hợp đồng được ký giữa TTLKCK và thành viên. Hợp đồng gồm những nội dung chính sau:

- a) Nội dung cung cấp dịch vụ;
- b) Nội dung liên quan đến trách nhiệm của TTLKCK, thành viên của TTLKCK;
- c) Nội dung liên quan đến giải quyết tranh chấp (nếu có);
- d) Nội dung liên quan đến việc chấm dứt hợp đồng.

2. TTLKCK quy định nội dung chi tiết của hợp đồng cung cấp dịch vụ giữa TTLKCK với thành viên của TTLKCK.

Điều 11. Đình chỉ tạm thời hoạt động của thành viên

TTLKCK đình chỉ tạm thời hoạt động của thành viên sau khi được UBCKNN chấp thuận trong những trường hợp sau:

1. Thường xuyên vi phạm nghĩa vụ của thành viên do TTLKCK quy định.

2. Đề xảy ra thiếu sót gây tổn thất nghiêm trọng cho khách hàng.

Điều 12. Các trường hợp thu hồi Giấy chứng nhận thành viên của TTLKCK

1. Thành viên tự nguyện chấm dứt tư cách thành viên và được TTLKCK chấp thuận.

2. Hết thời hạn tạm đình chỉ hoạt động mà thành viên không khắc phục được các vi phạm theo yêu cầu của UBCKNN và TTLKCK.

3. Bị thu hồi Giấy phép thành lập và hoạt động.

4. Trong quá trình hoạt động không duy trì được các điều kiện đăng ký hoạt động lưu ký chứng khoán quy định tại Điều 48 của Luật chứng khoán (đối với thành viên lưu ký).

5. Chia tách, sáp nhập, hợp nhất, chuyển đổi, giải thể, phá sản.

6. Thành viên đã làm thủ tục đăng ký thành viên lưu ký tại TTLKCK mà không tiến hành hoạt động theo quy định tại Khoản 3 Điều 5 của Quy chế này.

7. Thành viên vi phạm các quy định về thành viên của TTLKCK, bao gồm các vi phạm theo quy định trong hợp đồng cung cấp dịch vụ giữa TTLKCK và thành viên dẫn đến chấm dứt tư cách thành viên.

8. Bị UBCKNN thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký chứng khoán quy định tại Khoản 2 Điều 51 của Luật chứng khoán (đối với thành viên lưu ký).

Điều 13. Các trường hợp thu hồi Giấy chứng nhận chi nhánh thành viên lưu ký

1. Thành viên lưu ký tự nguyện xin chấm dứt hoạt động lưu ký của chi nhánh.

2. Thành viên lưu ký chấm dứt hoạt động của chi nhánh theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền.

3. Chi nhánh thành viên lưu ký vi phạm các quy chế của TTLKCK và đã được TTLKCK có công văn nhắc nhở, cảnh cáo nhưng không khắc phục.

Chương IV

ĐĂNG KÝ CHỨNG KHOÁN

Điều 14. Đăng ký chứng khoán tại TTLKCK

1. Các loại chứng khoán sau đây phải thực hiện đăng ký tại TTLKCK:

a) Chứng khoán của các công ty đại chúng, tổ chức niêm yết;

b) Trái phiếu chính phủ niêm yết trên TTGDCK hoặc SGDCK;

c) Trái phiếu của các tổ chức kinh tế, của chính quyền địa phương niêm yết trên TTGDCK hoặc SGDCK;

d) Chứng chỉ quỹ đầu tư niêm yết trên SGDCK;

e) Các loại chứng khoán khác phải đăng ký tại TTLKCK trên cơ sở thỏa thuận giữa TTLKCK và tổ chức phát hành.

2. Chứng khoán đăng ký tại TTLKCK theo hình thức đăng ký ghi sổ.

3. TTLKCK cấp mã cho các chứng khoán đăng ký tại TTLKCK và mã này được sử dụng thống nhất khi niêm yết tại SGDCK hoặc TTGDCK.

Điều 15. Thông tin về chứng khoán đăng ký, đối tượng nộp hồ sơ đăng ký tại TTLKCK

1. Tổ chức phát hành thực hiện đăng ký các thông tin sau về chứng khoán tại TTLKCK:

a) Thông tin về tổ chức phát hành chứng khoán;

b) Thông tin về chứng khoán phát hành;

c) Thông tin về danh sách người sở hữu chứng khoán.

2. Đối tượng nộp hồ sơ đăng ký:

a) Tổ chức phát hành có chứng khoán

niêm yết làm thủ tục đăng ký chứng khoán trực tiếp với TTLKCK;

b) Công ty đại chúng chưa niêm yết đăng ký chứng khoán thông qua thành viên lưu ký là công ty chứng khoán.

3. TTLKCK quy định cụ thể về các nội dung quy định tại Khoản 1 và 2 Điều này.

Điều 16. Quản lý thông tin chứng khoán đăng ký

1. TTLKCK quản lý tập trung các thông tin về chứng khoán đăng ký hoặc có thể ủy quyền bằng hợp đồng cho thành viên lưu ký thay mặt TTLKCK quản lý.

2. TTLKCK quy định cụ thể việc quản lý thông tin chứng khoán đăng ký theo nguyên tắc sau:

a) Mọi thay đổi liên quan đến thông tin chứng khoán đã đăng ký tại TTLKCK phải được thực hiện theo các quy định về quản lý thông tin của TTLKCK;

b) TTLKCK quy định thời gian tối đa điều chỉnh thông tin về sở hữu chứng khoán sau khi chứng khoán đã đăng ký tại TTLKCK;

c) Tổ chức phát hành phải hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính chính xác, đầy đủ và kịp thời của các thông tin chứng khoán đăng ký với TTLKCK.

Điều 17. Hợp đồng cung cấp dịch vụ giữa TTLKCK với tổ chức phát hành

1. TTLKCK cung cấp dịch vụ cho tổ chức phát hành trên cơ sở hợp đồng để thay mặt tổ chức phát hành thực hiện các công việc về quản lý thông tin người sở hữu chứng khoán và thực hiện quyền đối với người sở hữu chứng khoán. Hợp đồng gồm những nội dung chính sau:

- a) Nội dung cung cấp dịch vụ;
- b) Trách nhiệm của TTLKCK, tổ chức phát hành;
- c) Nội dung liên quan đến giải quyết tranh chấp (nếu có);
- d) Việc chấm dứt hợp đồng.

2. TTLKCK quy định chi tiết nội dung hợp đồng cung cấp dịch vụ giữa TTLKCK với tổ chức phát hành.

Điều 18. Chuyển quyền sở hữu chứng khoán

1. Việc chuyển quyền sở hữu đối với chứng khoán đăng ký tại TTLKCK được thực hiện theo nguyên tắc sau:

a) Người sở hữu chứng khoán đã đăng ký tại TTLKCK nhưng chưa lưu ký muốn thực hiện chuyển quyền sở hữu chứng khoán phải lưu ký chứng khoán vào TTLKCK để giao dịch mua, bán qua SGDCK, TTGDCK;

b) TTLKCK thực hiện chuyển quyền

sở hữu chứng khoán chưa lưu ký không qua giao dịch chứng khoán tại SGDCK, TTGDCK trong các trường hợp sau:

- Biếu, tặng, cho, thừa kế chứng khoán theo quy định của Luật dân sự.

- Giao dịch chứng khoán lô lẻ theo quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

- Tổ chức phát hành mua lại cổ phiếu ưu đãi của cán bộ, công nhân viên khi chấm dứt hợp đồng lao động.

- Chia tách, sáp nhập, hợp nhất góp vốn bằng cổ phiếu thành lập doanh nghiệp hoặc phân định lại cơ chế quản lý tài chính của doanh nghiệp theo quy định của Luật dân sự, Luật doanh nghiệp và Luật chứng khoán.

- Các trường hợp chuyển quyền sở hữu khác do Giám đốc TTLKCK quyết định sau khi có ý kiến chấp thuận của UBCKNN.

2. Hiệu lực của việc chuyển quyền sở hữu chứng khoán tại TTLKCK được quy định tại Khoản 2 Điều 54 của Luật chứng khoán.

3. TTLKCK quy định hồ sơ, thủ tục chuyển quyền sở hữu chứng khoán đăng ký.

Điều 19. Hủy bỏ đăng ký chứng khoán

1. Việc hủy bỏ đăng ký đối với chứng khoán tại TTLKCK được áp dụng trong các trường hợp sau:

- a) Chứng khoán đăng ký hết hiệu lực lưu hành;
- b) Chứng khoán của các công ty đại chúng đã đăng ký tại TTLKCK nhưng không còn đáp ứng điều kiện là công ty đại chúng và có yêu cầu hủy đăng ký;
- c) Tổ chức phát hành không phải là công ty đại chúng tự nguyện hủy đăng ký chứng khoán.

2. TTLKCK quy định thủ tục hủy bỏ đăng ký chứng khoán.

Điều 20. Thực hiện quyền của người sở hữu chứng khoán

1. Tổ chức phát hành ủy quyền cho TTLKCK làm thủ tục thực hiện các quyền sau đây đối với các chứng khoán đăng ký tại TTLKCK và phải chịu trách nhiệm hoàn toàn về các quyết định liên quan đến tổ chức thực hiện quyền cho người sở hữu chứng khoán:

- a) Quyền bỏ phiếu;
- b) Quyền nhận lãi, vốn gốc trái phiếu và cổ tức cổ phiếu bằng tiền;
- c) Quyền nhận cổ tức bằng cổ phiếu, cổ phiếu thưởng;
- d) Quyền mua cổ phiếu phát hành thêm;

e) Quyền chuyển đổi trái phiếu chuyển đổi;

f) Quyền thay đổi tên, tách, gộp cổ phiếu;

g) Các quyền khác theo quy định của pháp luật.

2. Chỉ những người có tên trên sổ đăng ký người sở hữu do TTLKCK lập vào ngày đăng ký cuối cùng mới được nhận các quyền phát sinh liên quan đến chứng khoán.

3. Ngày đăng ký cuối cùng là ngày do tổ chức phát hành hoặc TTLKCK ấn định trên cơ sở ủy quyền của tổ chức phát hành nhằm xác định danh sách người sở hữu được hưởng quyền phù hợp với quy định của pháp luật.

4. TTLKCK, thành viên lưu ký và tổ chức phát hành chịu trách nhiệm thực hiện quyền cho người sở hữu chứng khoán đăng ký, lưu ký tại TTLKCK, chịu trách nhiệm về các thiệt hại gây ra cho người sở hữu chứng khoán do không tuân thủ đúng các quy định về thực hiện quyền của Quy chế này hoặc Quy chế nghiệp vụ đăng ký, lưu ký, bù trừ và thanh toán của TTLKCK trong phạm vi trách nhiệm của mình.

5. TTLKCK quy định thủ tục thực hiện quyền của người sở hữu chứng khoán lưu ký.

Chương V

LƯU KÝ CHỨNG KHOÁN

Điều 21. Nguyên tắc lưu ký chứng khoán

1. Việc lưu ký chứng khoán của khách hàng tại TTLKCK được quản lý theo hai cấp: khách hàng lưu ký chứng khoán tại thành viên lưu ký và thành viên lưu ký tái lưu ký chứng khoán của khách hàng tại TTLKCK.

2. Thành viên lưu ký nhận lưu ký các chứng khoán của khách hàng với tư cách là người được khách hàng ủy quyền thực hiện các nghiệp vụ đăng ký, lưu ký, bù trừ và thanh toán chứng khoán. Để lưu ký chứng khoán, khách hàng phải ký hợp đồng mở tài khoản lưu ký chứng khoán với thành viên lưu ký.

3. TTLKCK nhận tái lưu ký chứng khoán từ các thành viên lưu ký với tư cách là người được thành viên ủy quyền thực hiện các nghiệp vụ liên quan tới hoạt động đăng ký, lưu ký, bù trừ và thanh toán chứng khoán. Để tái lưu ký chứng khoán, thành viên phải mở tài khoản lưu ký chứng khoán đứng tên thành viên lưu ký tại TTLKCK.

Điều 22. Mở tài khoản lưu ký chứng khoán

1. Thành viên của TTLKCK phải mở tài khoản lưu ký chứng khoán tại TTLKCK để thực hiện các giao dịch đối với chứng khoán lưu ký tại TTLKCK. Mỗi thành viên của TTLKCK chỉ được mở một tài khoản lưu ký chứng khoán tại TTLKCK và không được mở tài khoản lưu ký tại thành viên lưu ký khác.

2. Nhà đầu tư chỉ được mở một tài khoản duy nhất tại thành viên lưu ký, trừ những trường hợp sau:

a) Công ty quản lý quỹ phải mở tài khoản lưu ký chứng khoán riêng biệt cho công ty và cho từng quỹ đầu tư chứng khoán do công ty quản lý. Trường hợp thực hiện quản lý danh mục đầu tư, công ty quản lý quỹ phải mở hai (02) tài khoản lưu ký đứng tên công ty quản lý quỹ tại ngân hàng lưu ký thay mặt cho nhà đầu tư ủy thác (01 tài khoản cho nhà đầu tư ủy thác trong nước và 01 tài khoản cho nhà đầu tư ủy thác nước ngoài);

b) Nhà đầu tư nước ngoài là công ty chứng khoán nước ngoài thành lập theo pháp luật nước ngoài được mở hai tài khoản lưu ký chứng khoán tách biệt tại thành viên lưu ký để quản lý chứng khoán thuộc sở hữu của chính công ty và khách hàng của công ty.

c) Công ty bảo hiểm 100% vốn nước ngoài phải mở hai tài khoản lưu ký

chứng khoán tại một thành viên lưu ký để quản lý tách biệt các khoản đầu tư từ nguồn vốn chủ sở hữu và từ nguồn phí bảo hiểm khi thực hiện đầu tư trên thị trường chứng khoán.

3. Nhà đầu tư là tổ chức, cá nhân nước ngoài mở tài khoản lưu ký chứng khoán tại thành viên lưu ký sau khi đăng ký mã số giao dịch chứng khoán theo quy định của pháp luật.

4. TTLKCK quy định thủ tục mở tài khoản lưu ký chứng khoán tại TTLKCK.

Điều 23. Tài khoản lưu ký chứng khoán của thành viên tại TTLKCK

1. Tài khoản lưu ký chứng khoán của thành viên tại TTLKCK bao gồm:

- a) Tài khoản chứng khoán giao dịch;
- b) Tài khoản tạm ngừng giao dịch;
- c) Tài khoản cầm cố;
- d) Tài khoản tạm giữ;
- e) Tài khoản chờ thanh toán;
- f) Tài khoản phong tỏa chờ rút;
- g) Tài khoản chờ giao dịch;
- h) Tài khoản sửa lỗi giao dịch;
- i) Các tài khoản khác theo quy định của pháp luật.

2. Tài khoản lưu ký của thành viên của TTLKCK nêu tại Khoản 1 Điều này được phân loại như sau:

a) Tài khoản của chính thành viên của TTLKCK;

b) Tài khoản cho khách hàng trong nước của thành viên lưu ký;

c) Tài khoản cho khách hàng nước ngoài của thành viên lưu ký.

3) Tài khoản lưu ký chứng khoán của thành viên tại TTLKCK bao gồm các nội dung sau đây:

- a) Số tài khoản lưu ký chứng khoán;
- b) Tên và địa chỉ của thành viên;
- c) Số lượng, loại và mã chứng khoán lưu ký;
- d) Số lượng chứng khoán tăng giảm và lý do của việc tăng giảm;
- e) Các thông tin cần thiết khác.

Điều 24. Quản lý tài khoản lưu ký chứng khoán tại TTLKCK

1. TTLKCK quản lý tài khoản lưu ký chứng khoán theo nguyên tắc sau đây:

a) Chứng khoán lưu ký tại TTLKCK là tài sản thuộc sở hữu của khách hàng, được quản lý tách biệt với tài sản của TTLKCK;

b) TTLKCK không được sử dụng chứng khoán của khách hàng vì lợi ích của bên thứ ba hoặc vì lợi ích của chính TTLKCK.

2. TTLKCK chỉ thực hiện hạch toán trên tài khoản lưu ký chứng khoán khi các chứng từ hạch toán đầy đủ, hợp lệ và là chứng từ gốc.

3. Tổng số dư trên các tài khoản lưu ký chứng khoán của khách hàng mở tại thành viên lưu ký phải luôn khớp với số dư các tài khoản lưu ký của thành viên lưu ký mở tại TTLKCK.

4. Khi có bất cứ sự thay đổi hay sai sót nào về thông tin trong tài khoản lưu ký chứng khoán, thành viên có nghĩa vụ thông báo ngay cho TTLKCK.

5. Khi phát hiện sai sót trong thông tin trong tài khoản lưu ký chứng khoán của thành viên, TTLKCK phải thông báo ngay cho thành viên và thành viên có trách nhiệm điều chỉnh cho phù hợp.

Điều 25. Tài khoản lưu ký chứng khoán của khách hàng tại thành viên lưu ký

1. Tài khoản lưu ký chứng khoán của khách hàng mở tại thành viên lưu ký bao gồm:

- a) Tài khoản chứng khoán giao dịch;
- b) Tài khoản tạm ngừng giao dịch;
- c) Tài khoản cầm cố;
- d) Tài khoản tạm giữ.
- e) Tài khoản chờ thanh toán;

f) Tài khoản phong tỏa chờ rút;

g) Tài khoản chờ giao dịch;

h) Tài khoản sửa lỗi giao dịch;

i) Các tài khoản khác theo quy định của pháp luật.

2. Tài khoản lưu ký chứng khoán của khách hàng mở tại thành viên lưu ký bao gồm các nội dung sau:

a) Số tài khoản lưu ký chứng khoán;

b) Tên và địa chỉ của chủ tài khoản;

c) Số chứng minh nhân dân với khách hàng cá nhân là người Việt Nam và số hộ chiếu với khách hàng cá nhân là người nước ngoài; số Giấy chứng nhận đăng ký hoặc giấy phép thành lập đối với khách hàng là tổ chức;

d) Số lượng, loại và mã chứng khoán lưu ký;

e) Số lượng chứng khoán lưu ký tăng, giảm và lý do của việc tăng giảm;

g) Các thông tin cần thiết khác.

Điều 26. Quản lý tài khoản lưu ký chứng khoán tại thành viên lưu ký

1. Thành viên lưu ký phải quản lý các tài khoản lưu ký chứng khoán của khách hàng theo nguyên tắc sau đây:

a) Thành viên lưu ký phải mở tài khoản lưu ký chứng khoán chi tiết cho

từng khách hàng và quản lý tách biệt tài sản cho từng khách hàng;

b) Chứng khoán lưu ký của khách hàng tại thành viên lưu ký là tài sản thuộc sở hữu của khách hàng và được quản lý tách biệt với tài sản của thành viên lưu ký;

c) Thành viên lưu ký không được sử dụng chứng khoán trong tài khoản lưu ký chứng khoán của khách hàng vì lợi ích của bên thứ ba hoặc vì lợi ích của chính thành viên lưu ký;

d) Thành viên lưu ký có trách nhiệm thông báo kịp thời và đầy đủ các quyền lợi phát sinh liên quan đến chứng khoán lưu ký cho khách hàng;

e) Thành viên lưu ký có trách nhiệm hoàn tất nghĩa vụ đối với khách hàng của mình trong trường hợp khách hàng đã tất toán tài khoản chuyển sang thành viên mới nhưng quyền được nhận tiền và chứng khoán vẫn phân bổ về tài khoản của thành viên lưu ký.

2. Theo yêu cầu của khách hàng, thành viên lưu ký phải gửi cho từng khách hàng bản Sao kê tài khoản lưu ký chứng khoán sau một ngày làm việc kể từ ngày có yêu cầu.

3. Khách hàng có nghĩa vụ thông báo ngay cho thành viên lưu ký khi có bất cứ sự thay đổi hay sai sót nào về những thông tin trong tài khoản lưu ký chứng

khoán của khách hàng tại thành viên lưu ký.

Điều 27. Hiệu lực lưu ký chứng khoán

1. Việc lưu ký chứng khoán tại TTLKCK có hiệu lực kể từ thời điểm TTLKCK thực hiện hạch toán trên tài khoản lưu ký chứng khoán liên quan của thành viên mở tại TTLKCK.

2. Việc hạch toán, chuyển khoản chứng khoán bằng bút toán ghi sổ giữa các tài khoản lưu ký chứng khoán của thành viên hoặc khách hàng lưu ký tại TTLKCK có hiệu lực pháp lý như đối với chuyển giao chứng khoán vật chất và được pháp luật thừa nhận.

3. Chứng khoán chưa được giao dịch bán khi chưa được TTLKCK hạch toán vào tài khoản chứng khoán giao dịch của thành viên.

Điều 28. Ký gửi chứng khoán

1. Việc ký gửi chứng khoán của khách hàng vào TTLKCK được thực hiện theo nguyên tắc sau:

a) Khách hàng ký gửi chứng khoán vào TTLKCK thông qua thành viên lưu ký nơi mình mở tài khoản;

b) Thành viên lưu ký có trách nhiệm làm thủ tục nhận chứng khoán ký gửi của khách hàng và tái ký gửi vào TTLKCK

trong vòng một ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ gửi chứng khoán hợp lệ của khách hàng;

c. TTLKCK có trách nhiệm xử lý hồ sơ chứng khoán ký gửi trong vòng một ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ hợp lệ của thành viên;

d. TTLKCK quy định hồ sơ, thủ tục ký gửi chứng khoán của thành viên tại TTLKCK.

2. Thành viên, khách hàng ký gửi chứng khoán không hợp lệ, chứng khoán giả mạo, bị thông báo mất cắp hoặc không có đủ thông tin theo yêu cầu phải hoàn toàn chịu trách nhiệm về việc ký gửi số chứng khoán này và phải bồi thường cho các bên liên quan thiệt hại do việc lưu ký chứng khoán đó gây ra.

Điều 29. Rút chứng khoán

1. Khách hàng chỉ được yêu cầu rút chứng khoán trong phạm vi số lượng chứng khoán sở hữu trên các tài khoản lưu ký, trừ các chứng khoán đang bị tạm giữ, cầm cố.

2. Thành viên lưu ký phải chuyển cho TTLKCK hồ sơ rút chứng khoán trong vòng một ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ của khách hàng.

3. TTLKCK có trách nhiệm xử lý hồ sơ rút chứng khoán trong vòng một ngày

làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ hợp lệ của thành viên.

4. Trong thời gian chờ rút, khách hàng được quyền hủy yêu cầu rút chứng khoán.

5. Chứng khoán rút ra khỏi TTLKCK theo hình thức chứng khoán được tổ chức phát hành đăng ký tại TTLKCK.

6. TTLKCK quy định thủ tục rút chứng khoán tại TTLKCK.

Điều 30. Chuyển khoản chứng khoán

1. TTLKCK được thực hiện chuyển khoản chứng khoán lưu ký không qua hệ thống giao dịch tập trung của SGDCK, TTGDCK trong các trường hợp sau:

a) Giao dịch chứng khoán lô lẻ theo quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán;

b) Tất toán tài khoản tại thành viên lưu ký này sang lưu ký tại thành viên lưu ký khác;

c) Chuyển khoản phục vụ giao dịch giấy tờ có giá trên thị trường tiền tệ;

d) Chuyển khoản để hỗ trợ và cho vay chứng khoán;

e) Chuyển khoản xử lý chứng khoán cầm cố theo hợp đồng cầm cố;

f) Biểu, tặng, cho, thừa kế chứng khoán theo quy định của Luật dân sự;

g) Chia tách, sáp nhập, hợp nhất, góp vốn bằng chứng khoán thành lập doanh nghiệp hoặc phân định lại cơ chế quản lý tài chính của doanh nghiệp theo quy định tại Luật dân sự và Luật doanh nghiệp;

h) Tổ chức phát hành mua lại cổ phiếu ưu đãi cán bộ, công nhân viên khi chấm dứt hợp đồng lao động;

i) Khi thành viên lưu ký nơi khách hàng đang mở tài khoản bị hủy bỏ tư cách thành viên, thu hồi Giấy chứng nhận hoạt động lưu ký hoặc bị TTLKCK hủy tư cách thành viên lưu ký;

k) Các trường hợp chuyển quyền sở hữu khác do Giám đốc TTLKCK quyết định sau khi có ý kiến chấp thuận của UBCKNN.

2. Thành viên lưu ký phải chuyển cho TTLKCK hồ sơ chuyển khoản chứng khoán trong vòng một ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu chuyển khoản của khách hàng.

3. TTLKCK có trách nhiệm xử lý hồ sơ chuyển khoản chứng khoán trong vòng một ngày làm việc đối với các trường hợp chuyển khoản quy định tại điểm a, b, c, d, e và tối đa năm (05) ngày làm việc đối với các trường hợp chuyển khoản quy định tại điểm f, g, h, i, k Khoản 1 Điều này kể từ khi nhận được hồ sơ chuyển khoản hợp lệ của thành viên.

4. TTLKCK quy định hồ sơ, thủ tục chuyển khoản chứng khoán tại TTLKCK.

5. Đối với các giao dịch mua, bán được thực hiện thông qua hệ thống giao dịch của SGDCK, TTGDCK, việc chuyển khoản để thanh toán giao dịch được thực hiện theo quy định về bù trừ và thanh toán chứng khoán tại Chương VI Quy chế này.

Điều 31. Cầm cố và giải tỏa cầm cố chứng khoán

1. Việc cầm cố chứng khoán lưu ký tập trung tại TTLKCK thực hiện căn cứ vào hợp đồng cầm cố và phải được đăng ký giao dịch tại TTLKCK theo các quy định của pháp luật hiện hành về đăng ký giao dịch bảo đảm.

2. Việc ủy quyền của bên cầm cố và bên nhận cầm cố cho thành viên lưu ký với tư cách là bên thứ ba quản lý chứng khoán cầm cố được thực hiện theo quy định trong hợp đồng cầm cố chứng khoán giữa các bên. Các bên có thể đề nghị giải tỏa toàn bộ hay một phần chứng khoán cầm cố.

3. Việc cầm cố, giải tỏa cầm cố chứng khoán của khách hàng của thành viên lưu ký được thực hiện tại các thành viên lưu ký nơi mình mở tài khoản. TTLKCK thực hiện cầm cố và giải tỏa chứng khoán trên cơ sở bảng kê chứng khoán cầm cố và giải tỏa có xác nhận của bên nhận cầm cố.

4. Việc cầm cố chứng khoán chỉ có hiệu lực sau khi TTLKCK thực hiện bút toán ghi sổ chuyển chứng khoán từ tài khoản chứng khoán giao dịch của thành viên bên cầm cố sang tài khoản chứng khoán cầm cố của thành viên bên cầm cố.

5. Việc giải tỏa chứng khoán cầm cố có hiệu lực khi TTLKCK thực hiện bút toán ghi sổ chuyển chứng khoán từ tài khoản chứng khoán cầm cố sang tài khoản chứng khoán giao dịch của thành viên bên cầm cố.

6. Thành viên lưu ký phải chuyển cho TTLKCK hồ sơ cầm cố/giải tỏa cầm cố chứng khoán trong vòng một ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu cầm cố/giải tỏa cầm cố chứng khoán hợp lệ của khách hàng. TTLKCK có trách nhiệm xử lý hồ sơ cầm cố/giải tỏa cầm cố chứng khoán trong vòng một ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ hợp lệ của thành viên.

7. TTLKCK quy định thủ tục cầm cố, giải tỏa cầm cố và đăng ký giao dịch bảo đảm.

Chương VI BÙ TRỪ VÀ THANH TOÁN CHỨNG KHOÁN

Điều 32. Bổ trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán

1. TTLKCK thanh toán theo kết quả bù trừ đa phương, song phương và thanh toán theo từng giao dịch cho giao dịch của các chứng khoán đã niêm yết và giao dịch của các chứng khoán chưa niêm yết của công ty đại chúng.

2. Việc bù trừ chứng khoán được TTLKCK thực hiện theo từng chứng khoán và tách biệt theo loại tài khoản môi giới cho khách hàng trong nước, tài khoản môi giới cho khách hàng nước ngoài và tài khoản tự doanh của thành viên lưu ký.

3. Đối với giao dịch mua, bán chứng khoán niêm yết, TTLKCK thực hiện thanh toán căn cứ vào kết quả giao dịch do SGDCK, TTGDCK cung cấp.

4. Đối với giao dịch mua, bán chứng khoán chưa niêm yết của công ty đại chúng, TTLKCK thanh toán giao dịch căn cứ vào kết quả giao dịch của nhà đầu tư được thực hiện tại các công ty chứng khoán và chuyển vào TTLKCK thông qua TTGDCK.

5. Giám đốc TTLKCK quyết định áp dụng các phương thức thanh toán tại TTLKCK sau khi được UBCKNN chấp thuận.

6. TTLKCK quy định trình tự và thủ tục thanh toán giao dịch chứng khoán tại SGDCK, TTGDCK.

Điều 33. Thanh toán giao dịch của thành viên

1. Các thành viên của TTLKCK phải mở tài khoản thanh toán bù trừ tại Ngân hàng thanh toán để thanh toán tiền cho các giao dịch chứng khoán theo nguyên tắc giao dịch chứng khoán niêm yết tách biệt với giao dịch chứng khoán của công ty đại chúng chưa niêm yết.

2. Trường hợp khách hàng mở tài khoản lưu ký chứng khoán tại thành viên lưu ký là ngân hàng thương mại và đặt lệnh giao dịch qua công ty chứng khoán, việc thanh toán giao dịch sẽ do ngân hàng lưu ký thực hiện.

3. Trường hợp thành viên lưu ký không thực hiện đúng các nguyên tắc về quản lý và thanh toán giao dịch theo quy định của pháp luật dẫn đến việc thiếu tiền hoặc chứng khoán để thanh toán, thành viên lưu ký có nghĩa vụ thực hiện thanh toán giao dịch đó thay cho khách hàng.

Điều 34. Đối chiếu và xác nhận giao dịch

1. Sau khi nhận kết quả giao dịch từ TTGDCK, SGDCK, TTLKCK có trách nhiệm thông báo kết quả giao dịch cho các thành viên lưu ký.

2. Thành viên lưu ký có trách nhiệm đối chiếu chi tiết giao dịch giữa lệnh gốc được lưu giữ tại thành viên với thông

báo kết quả giao dịch của TTLKCK và xác nhận lại với TTLKCK.

Điều 35. Sửa lỗi sau giao dịch đối với chứng khoán niêm yết

1. TTLKCK thực hiện sửa lỗi sau giao dịch trong các trường hợp sau:

a) Thành viên lưu ký là công ty chứng khoán đặt nhầm, sai lệnh của khách hàng như: sai số tài khoản của khách hàng, sai chứng khoán, sai mức giá, thừa lệnh, nhầm lệnh mua thành lệnh bán và ngược lại, sai số lượng chứng khoán, sai ngày thanh toán và phương thức thanh toán;

b) Thành viên của TTLKCK không kiểm soát được tỷ lệ ký quỹ theo quy định dẫn đến thiếu chứng khoán hoặc tiền để thanh toán giao dịch.

2. Việc sửa lỗi sau giao dịch được thực hiện theo nguyên tắc:

a) Trường hợp thành viên lưu ký sửa lỗi có tài khoản tự doanh: lệnh giao dịch của khách hàng sẽ được TTLKCK điều chỉnh thành lệnh giao dịch tự doanh của thành viên lưu ký;

b) Trường hợp thành viên lưu ký sửa lỗi không có tài khoản chứng khoán giao dịch tự doanh, TTLKCK sẽ mở tài khoản hỗ trợ sửa lỗi cho thành viên lưu ký để hạch toán tạm thời số chứng khoán mà thành viên lưu ký được nhận hoặc phải

trả do phải thực hiện sửa lỗi. Cơ chế thực hiện như sau:

- Khi được nhận chứng khoán từ việc sửa lỗi, thành viên lưu ký này phải có nghĩa vụ bán ngay số chứng khoán được nhận về trên tài khoản hỗ trợ sửa lỗi vào phiên giao dịch gần nhất để TTLKCK tất toán tài khoản.

- Khi phải hoàn trả chứng khoán vay/nhận hỗ trợ từ bên cho vay/hỗ trợ, thành viên lưu ký này được phép duy trì tài khoản hỗ trợ sửa lỗi cho đến khi hoàn tất nghĩa vụ đối với bên cho vay/hỗ trợ chứng khoán.

3. Đối với các lỗi không thuộc các trường hợp nêu tại Khoản 1 Điều này, Giám đốc TTLKCK có thẩm quyền xem xét, xử lý sau khi có ý kiến chấp thuận của UBCKNN.

4. TTLKCK quy định hồ sơ, trình tự, thủ tục sửa lỗi sau giao dịch chứng khoán niêm yết.

Điều 36. Trách nhiệm của các bên liên quan trong việc sửa lỗi sau giao dịch

1. Các bên tham gia giao dịch phải chịu trách nhiệm đối với lỗi do mình gây ra trong phạm vi quyền hạn và trách nhiệm của mình. Thành viên lưu ký chịu trách nhiệm trong phạm vi quyền hạn và trách nhiệm của mình đối với lỗi sau giao dịch của khách hàng.

2. Trường hợp lỗi của công ty chứng khoán dẫn đến việc khách hàng của thành viên lưu ký là ngân hàng thương mại thiếu chứng khoán để thanh toán, ngân hàng thương mại được phép từ chối thanh toán giao dịch. Trường hợp này thành viên lưu ký là công ty chứng khoán phải chịu trách nhiệm thanh toán giao dịch lỗi.

3. Trường hợp không có đủ chứng khoán trong tài khoản để thanh toán giao dịch, thành viên lưu ký có thể vay/nhận hỗ trợ chứng khoán theo quy định tại Khoản 1 Điều 39 của Quy chế này.

4. Việc hoàn trả chứng khoán vay/nhận hỗ trợ có thể thực hiện bằng chứng khoán hoặc tiền theo thỏa thuận giữa thành viên lưu ký với bên cho vay/hỗ trợ chứng khoán.

5. TTLKCK quy định việc cho vay/hỗ trợ và hoàn trả chứng khoán sửa lỗi giữa các bên.

Điều 37. Các biện pháp khắc phục tình trạng mất khả năng thanh toán giao dịch chứng khoán niêm yết

1. Thành viên của TTLKCK chịu trách nhiệm khắc phục tình trạng mất khả năng thanh toán giao dịch chứng khoán của mình.

2. Trường hợp thành viên của TTLKCK không tự khắc phục được tình trạng mất

khả năng thanh toán, TTLKCK áp dụng các biện pháp sau đây:

a) Đối với trường hợp thiếu tiền: sử dụng Quỹ Hỗ trợ thanh toán hoặc đề nghị Ngân hàng thanh toán cho vay;

b) Đối với trường hợp thiếu chứng khoán: yêu cầu thành viên thiếu hụt vay chứng khoán hoặc đề nghị thành viên khác cho vay.

3. TTLKCK quy định trình tự, thủ tục khắc phục tình trạng mất khả năng thanh toán giao dịch chứng khoán.

Điều 38. Khắc phục mất khả năng thanh toán tiền

1. Thành viên của TTLKCK mất khả năng thanh toán tiền được sử dụng cơ chế Quỹ hỗ trợ thanh toán hoặc nhận tiền vay của Ngân hàng thanh toán theo nguyên tắc sau:

a) Đối với thành viên lưu ký: áp dụng đồng thời hai cơ chế hỗ trợ thanh toán tiền là sử dụng Quỹ hỗ trợ thanh toán và nhận hỗ trợ tiền vay của Ngân hàng thanh toán. Tùy theo giá trị thực tế của Quỹ Hỗ trợ thanh toán, TTLKCK quy định mức trần sử dụng trong từng trường hợp cần hỗ trợ trong thanh toán;

b) Đối với thành viên mở tài khoản trực tiếp: áp dụng cơ chế nhận hỗ trợ tiền vay từ Ngân hàng thanh toán.

2. TTLKCK quy định việc lập, quản lý và sử dụng Quỹ hỗ trợ thanh toán sau khi được UBCKNN chấp thuận.

3. Thành viên lưu ký phải ký thỏa thuận hỗ trợ tiền thanh toán giao dịch chứng khoán với Ngân hàng thanh toán. Thỏa thuận hỗ trợ tiền thanh toán giao dịch gồm các nội dung chính sau:

a) Lãi suất vay theo nguyên tắc không vượt quá lãi suất sử dụng Quỹ hỗ trợ thanh toán;

b) Thời hạn vay;

c) Phương thức đảm bảo hoàn trả khoản vay phù hợp với các quy định của pháp luật.

4. Thành viên mất khả năng thanh toán tiền phải chịu mọi chi phí, tổn thất phát sinh và chịu xử phạt theo quy định của pháp luật.

Điều 39. Khắc phục mất khả năng thanh toán chứng khoán

1. Trường hợp không đủ chứng khoán để thanh toán giao dịch, thành viên của TTLKCK có thể vay hoặc nhận hỗ trợ chứng khoán từ các nguồn sau đây để đảm bảo thời hạn thanh toán theo đúng quy định:

a) Thành viên khác của TTLKCK;

b) Khách hàng;

c) Các nguồn hợp pháp khác.

2. TTLKCK quy định trình tự, thủ tục vay, nhận hỗ trợ chứng khoán để đảm bảo nghĩa vụ thanh toán giao dịch.

Điều 40. Hủy thanh toán giao dịch chứng khoán niêm yết

1. Trường hợp thành viên mất khả năng thanh toán giao dịch sau khi đã áp dụng các biện pháp theo quy định mà không thể khắc phục được. TTLKCK có quyền hủy thanh toán đối với các giao dịch đó.

2. Thành viên lưu ký có giao dịch bị hủy thanh toán phải chịu hoàn toàn trách nhiệm đối với các tổn thất phát sinh cho khách hàng và các thành viên có liên quan do giao dịch không được thanh toán.

3. TTLKCK có trách nhiệm thông báo cho SGDCK, TTGDCK các giao dịch bị hủy thanh toán để thực hiện công bố thông tin.

Điều 41. Xử lý lỗi giao dịch đối với chứng khoán của công ty đại chúng chưa niêm yết

1. Khi phát hiện lỗi sau giao dịch chứng khoán của công ty đại chúng chưa niêm yết, TTLKCK được quyền hủy thanh toán các giao dịch lỗi.

2. Đối với các giao dịch chứng khoán của công ty đại chúng chưa niêm yết, khi

phát hiện tài khoản của thành viên không đủ tiền, chứng khoán để thanh toán, TTLKCK xử lý các giao dịch đó theo quy định tại Quy chế hướng dẫn nghiệp vụ của TTLKCK.

3. Thành viên bị hủy bỏ giao dịch lỗi phải chịu trách nhiệm về các thiệt hại của khách hàng và thành viên khác do việc TTLKCK loại bỏ giao dịch quy định tại Khoản 1, 2 Điều này.

4. TTLKCK quy định trình tự, thủ tục xử lý lỗi sau giao dịch chứng khoán công ty đại chúng chưa niêm yết.

CHƯƠNG VII NGÂN HÀNG THANH TOÁN

Điều 42. Điều kiện đối với Ngân hàng thanh toán

1. Là ngân hàng thương mại Việt Nam.

2. Có vốn điều lệ thực góp trên 3.000 tỷ đồng.

3. Có kết quả hoạt động kinh doanh có lãi trong vòng 2 năm gần nhất.

4. Có hệ số rủi ro tín dụng trong mức an toàn theo tiêu chuẩn của Ngân hàng Nhà nước.

5. Có hệ thống cơ sở vật chất kỹ thuật

đảm bảo thực hiện thanh toán giao dịch và kết nối được với TTLKCK.

6. Có cam kết với UBCKNN về việc cho vay thanh toán giao dịch chứng khoán trong trường hợp thành viên mất khả năng thanh toán.

Điều 43. Hồ sơ đăng ký làm Ngân hàng thanh toán

Hồ sơ đăng ký làm Ngân hàng thanh toán nộp cho UBCKNN bao gồm:

1. Giấy đăng ký làm Ngân hàng thanh toán.

2. Bản cung cấp thông tin về Ngân hàng, trong đó nêu rõ khả năng đáp ứng các tiêu chí theo yêu cầu tại Điều 42 của Quy chế này.

3. Bản sao Quyết định thành lập và hoạt động của Ngân hàng thương mại.

4. Bản cam kết với UBCKNN về việc cho vay thanh toán giao dịch chứng khoán trong trường hợp thành viên lưu ký mất khả năng thanh toán.

5. Các tài liệu khác liên quan.

Điều 44. Thủ tục chấp thuận Ngân hàng thanh toán

Trong vòng mười lăm (15) ngày kể từ ngày nhận được bộ hồ sơ đầy đủ và hợp lệ, UBCKNN quyết định chấp thuận hoặc từ chối đăng ký làm Ngân hàng thanh

toán. Trường hợp từ chối, UBCKNN phải có văn bản nêu rõ lý do.

Điều 45. Hủy bỏ tư cách Ngân hàng thanh toán

1. Trường hợp Ngân hàng thanh toán không duy trì được các điều kiện tại Điều 42 của Quy chế này về đảm bảo thanh toán giao dịch chứng khoán hoặc trong trường hợp Ngân hàng thanh toán không khôi phục được các điều kiện đối với Ngân hàng thanh toán theo thời hạn do UBCKNN quy định, UBCKNN có quyền hủy bỏ tư cách Ngân hàng thanh toán và lựa chọn ngân hàng thương mại mới đáp ứng đủ điều kiện làm Ngân hàng thanh toán.

2. Ngân hàng thanh toán bị hủy bỏ tư cách phải hoàn tất các nghĩa vụ liên quan đến hoạt động thanh toán chứng khoán đối với khách hàng.

Điều 46. Quyền và nghĩa vụ của Ngân hàng thanh toán

1. Quyền của Ngân hàng thanh toán:

a) Chỉ định hội sở chính hoặc chi nhánh làm đầu mối tổ chức thanh toán giao dịch chứng khoán;

b) Đề nghị TTLKCK, các thành viên của TTLKCK tuân thủ các cam kết về thanh toán giữa các bên và cung cấp các thông tin cần thiết để thực hiện thanh toán giao dịch;

c) Được thu phí cung cấp dịch vụ theo quy định của pháp luật;

2. Nghĩa vụ của Ngân hàng thanh toán:

a) Thanh toán đầy đủ và đúng hạn cho các giao dịch chứng khoán đã thực hiện trên SGDCK, TTGDCK;

b) Hỗ trợ tiền cho các thành viên của TTLKCK khi thiếu tiền thanh toán giao dịch theo quy định;

c) Ký kết hợp đồng theo nguyên tắc đảm bảo cho thành viên vay khi thiếu tiền thanh toán giao dịch chứng khoán. Các điều khoản của hợp đồng phải theo nguyên tắc cho vay tín dụng, đảm bảo tính công bằng giữa các thành viên;

d) Tuân thủ chế độ thông tin, báo cáo và bảo mật thông tin theo quy định của pháp luật hiện hành;

e) Đảm bảo cơ sở vật chất kỹ thuật và nhân lực cần thiết phục vụ việc thanh toán bằng tiền cho các giao dịch chứng khoán.

Chương VIII

QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CÁC BÊN LIÊN QUAN

Điều 47. Quyền và nghĩa vụ của tổ chức phát hành

1. Tuân thủ các quy định của pháp luật và các quy chế về đăng ký chứng khoán và thực hiện quyền đối với người sở hữu chứng khoán đăng ký của TTLKCK.

2. Ủy quyền cho TTLKCK thực hiện các công việc về quản lý thông tin người sở hữu chứng khoán và thực hiện quyền đối với chứng khoán đăng ký.

3. Cung cấp cho TTLKCK những thông tin hoặc các tài liệu cần thiết kịp thời và chính xác để thực hiện việc đăng ký chứng khoán và thực hiện quyền theo quy định hoặc khi TTLKCK có yêu cầu bằng văn bản; chịu trách nhiệm hoàn toàn về các nội dung thông tin đã cung cấp với TTLKCK.

4. Chịu trách nhiệm về các thiệt hại gây ra cho TTLKCK và người sở hữu chứng khoán, trừ trường hợp bất khả kháng.

5. Nộp phí sử dụng dịch vụ do TTLKCK cung cấp theo quy định của Bộ Tài chính.

6. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của TTLKCK.

Điều 48. Quyền và nghĩa vụ của thành viên của TTLKCK

1. Tuân thủ các quyền và nghĩa vụ quy định tại Khoản 2,3 Điều 47 của Luật chứng khoán;

2. Các quyền, nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và theo quy chế của TTLKCK.

Điều 49. Quyền và nghĩa vụ của TTLKCK

TTLKCK có các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 45 và 46 Luật chứng khoán.

Chương IX CHẾ ĐỘ BÁO CÁO

Điều 50. Báo cáo định kỳ

1. Định kỳ hàng tháng TTLKCK phải gửi báo cáo hoạt động lưu ký chứng khoán của TTLKCK, báo cáo tình hình sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài cho UBCKNN theo nội dung quy định tại Phụ lục 05, 06, 07, 08, 09,10,11,12/LK kèm theo Quy chế này.

2. Định kỳ hàng tháng các thành viên của TTLKCK phải gửi báo cáo hoạt động lưu ký chứng khoán cho TTLKCK theo nội dung quy định tại Quy chế hướng dẫn nghiệp vụ đăng ký, lưu ký, bù trừ và thanh toán của TTLKCK.

3. Định kỳ hàng tháng, hàng quý, hàng năm, Ngân hàng thanh toán phải báo cáo UBCKNN về hoạt động thanh toán bù trừ các giao dịch của Ngân hàng thanh

toán theo nội dung quy định tại Phụ lục 13/LK kèm theo Quy chế này.

4. Thời hạn báo cáo được quy định như sau:

a) Báo cáo tháng gửi UBCKNN trong vòng mười (10) ngày của tháng tiếp theo;

b) Báo cáo quý gửi UBCKNN trong vòng hai mươi (20) ngày của tháng đầu tiên trong quý tiếp theo;

c) Báo cáo năm gửi UBCKNN trong vòng chín mươi (90) ngày đầu của năm tiếp theo.

5. TTLKCK có nghĩa vụ bảo mật thông tin liên quan đến tài khoản của thành viên lưu ký.

Điều 51. Báo cáo bất thường

1. TTLKCK phải báo cáo UBCKNN trong thời hạn tối đa 24 giờ kể từ khi xảy ra các sự kiện sau đây:

a) Hồ sơ, tài liệu liên quan đến hoạt động đăng ký, lưu ký, bù trừ và thanh toán chứng khoán bị thất lạc;

b) Hoạt động đăng ký, lưu ký, bù trừ và thanh toán chứng khoán bị tê liệt một phần hay toàn bộ;

c) Phát hiện chứng khoán giả.

2. Thành viên lưu ký phải báo cáo UBCKNN trong thời hạn tối đa 24 giờ kể

từ khi thay đổi thành viên Ban Giám đốc phụ trách hoạt động lưu ký chứng khoán của thành viên lưu ký.

3. Ngân hàng thanh toán phải báo cáo UBCKNN và TTLKCK ngay lập tức khi hoạt động thanh toán chứng khoán bị tê liệt một phần hay toàn bộ.

Điều 52. Báo cáo theo yêu cầu

1. Ngoài các trường hợp báo cáo định kỳ và bất thường quy định tại Điều 50, 51 của Quy chế này, trong những trường hợp cần thiết, nhằm bảo vệ lợi ích chung và lợi ích của nhà đầu tư, UBCKNN có thể yêu cầu TTLKCK, các thành viên lưu ký, Ngân hàng thanh toán báo cáo hoạt động đăng ký, lưu ký, bù trừ và thanh toán chứng khoán.

2. TTLKCK, thành viên lưu ký và Ngân hàng thanh toán phải báo cáo UBCKNN trong thời hạn 48 giờ kể từ khi nhận được yêu cầu báo cáo quy định tại Khoản 1 Điều này.

Chương X

THANH TRA GIÁM SÁT VÀ XỬ LÝ VI PHẠM

Điều 53. Thanh tra, giám sát

1. Thành viên lưu ký, nhân viên liên quan của thành viên lưu ký và những nhân viên liên quan phải chịu sự giám sát

của TTLKCK và chịu sự kiểm tra, thanh tra của UBCKNN phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành.

2. TTLKCK, Ngân hàng thanh toán chịu sự giám sát, kiểm tra, thanh tra của UBCKNN phù hợp với các quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 54. Xử lý vi phạm đối với thành viên

TTLKCK được áp dụng các hình thức xử lý vi phạm sau đây đối với thành viên tùy theo mức độ vi phạm quy chế hoạt động nghiệp vụ của TTLKCK:

1. Nhắc nhở bằng văn bản.
2. Cảnh cáo và công bố trên trang thông tin điện tử của TTLKCK.
3. Tạm thời đình chỉ hoạt động.
4. Thu hồi Giấy chứng nhận thành viên, Giấy chứng nhận chi nhánh thành viên lưu ký.

Điều 55. Xử lý vi phạm

Các hành vi vi phạm các quy định trong Quy chế này bị xử phạt theo quy định của pháp luật hiện hành.

CHƯƠNG XI

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 56. Điều khoản thi hành

1. Trung tâm lưu ký chứng khoán quy định cụ thể quy trình, thủ tục về Đăng ký, lưu ký, bù trừ và thanh toán chứng khoán phù hợp với quy định của Quy chế này.

2. Việc sửa đổi, bổ sung Quy chế này do Bộ trưởng Bộ Tài chính quyết định./.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Trần Xuân Hà

Phụ lục: 01/LK

(ban hành kèm theo Quy chế.....)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày.... tháng.... năm....

GIẤY ĐĂNG KÝ HOẠT ĐỘNG LƯU KÝ

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước

Căn cứ Luật chứng khoán số 70/2006/QH11 được Quốc Hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 29 tháng 06 năm 2006;

Căn cứ Quyết định số..... /QĐ-BTC ngày.....của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc ban hành quy chế Đăng ký, lưu ký, bù trừ và thanh toán chứng khoán;

Đề nghị UBCKNN cấp chứng nhận hoạt động lưu ký chứng khoán cho:

1. Tên đầy đủ và chính thức của ngân hàng/công ty;
2. Tên giao dịch của ngân hàng/công ty;
3. Địa chỉ chính thức trụ sở chính của ngân hàng/công ty;
4. Địa chỉ giao dịch, số điện thoại, fax;
5. Phạm vi và nội dung hoạt động của ngân hàng/công ty nêu trong giấy chứng nhận hoạt động lưu ký;
6. Tên, năm sinh, quốc tịch của các thành viên hội đồng quản trị, ban giám đốc điều hành;
7. Số lượng cán bộ, nhân viên của ngân hàng/công ty;
8. Ngày dự kiến khai trương hoạt động lưu ký.

TỔNG GIÁM ĐỐC/ GIÁM ĐỐC NGÂN HÀNG
(ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

Phụ lục: 02/LK

(ban hành kèm theo quy chế.....)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**THUYẾT MINH SƠ SỞ VẬT CHẤT KỸ THUẬT PHỤC VỤ
HOẠT ĐỘNG LƯU KÝ**

Ngân hàng (chi nhánh ngân hàng)/Công ty (chi nhánh công ty).....

Địa chỉ:

1. Hệ thống máy vi tính, thiết bị phục vụ cho hoạt động lưu ký chứng khoán:

- Số lượng máy vi tính;
- Dự kiến phương pháp lưu giữ và xử lý thông tin về khách hàng; phương án lưu giữ chứng khoán lưu ký của khách hàng;
- Phương pháp cung cấp thông tin cho khách hàng, UBCKNN, TTLKCK và các cơ quan liên quan khác (thông qua hệ thống máy tính, điện thoại, telex, fax...);
- Nêu rõ tính năng, tác dụng, tình trạng, cấp độ công nghệ của trang thiết bị sử dụng và việc bố trí hệ thống máy tính này tại trụ sở làm việc.

2. Hệ thống kho két phục vụ hoạt động lưu ký chứng khoán:

- Tổng diện tích kho két; kết cấu kho két (độ dày của tường kho, số gian kho...);
- Số lượng két sắt trong kho; kết cấu về két sắt (chất liệu, diện tích, độ an toàn...);
- Các biện pháp đảm bảo an toàn: (chống cháy, nổ, đột nhập...);
- Đội ngũ cán bộ

Ghi chú: mẫu thuyết minh cơ
sở vật chất kỹ thuật của hội sở,
chi nhánh điền tên hội sở chi
nhánh.

....., ngày.... tháng.... năm.....

**TỔNG GIÁM ĐỐC/GIÁM ĐỐC NGÂN HÀNG/
CHI NHÁNH/ HỘI SỞ**

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Phụ lục: 03 /LK

(ban hành kèm theo quy chế.....)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., Ngày.... tháng.... năm....

**GIẤY ĐĂNG KÝ CHO HỘI SỞ/CHI NHÁNH CUNG CẤP
DỊCH VỤ LƯU KÝ CHỨNG KHOÁN**

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước

Căn cứ Luật chứng khoán số 70/2006/QH11 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 29 tháng 6 năm 2006;

Căn cứ Quyết định số..... /QĐ-BTC ngày..... của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc ban hành quy chế Đăng ký, lưu ký, bù trừ và thanh toán chứng khoán ;

Căn cứ Giấy chứng nhận hoạt động lưu ký chứng khoán số... ngày.. tháng ... năm do UBCKNN cấp;

Thay mặt Ngân hàng/Công ty chứng khoán... chúng tôi đăng ký cho Hội sở/chi nhánh sau được cung cấp dịch vụ lưu ký chứng khoán:

1. Tên đầy đủ và chính thức của hội sở/chi nhánh;
2. Tên giao dịch của hội sở/chi nhánh;
3. Địa chỉ chính thức trụ sở chính của hội sở/chi nhánh;
4. Địa chỉ giao dịch, số điện thoại, fax;
5. Phạm vi và nội dung hoạt động hội sở/chi nhánh cung cấp dịch vụ lưu ký;
6. Họ và tên của thành viên Ban giám đốc phụ trách hoạt động lưu ký chứng khoán.
7. Ngày dự kiến triển khai hoạt động lưu ký tại hội sở/chi nhánh.

Ghi chú: Trường hợp xin đăng ký cho nhiều ngân hàng hội sở, chi nhánh, thành viên lưu ký chỉ cần gửi một đơn nhưng phải điền đủ các thông tin trên cho từng hội sở, chi nhánh

TỔNG GIÁM ĐỐC/ GIÁM ĐỐC
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

09633796

Phụ lục: 04/LK

(ban hành kèm theo quy chế.....)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúcGIẤY ỦY QUYỀN CHO HỘI SỞ, CHI NHÁNH NGÂN HÀNG/CHI NHÁNH
CÔNG TY CHỨNG KHOÁN THỰC HIỆN NGHIỆP VỤ
LƯU KÝ CHỨNG KHOÁN

Ngân hàng/Công ty chứng khoán.....

Địa chỉ:

ỦY QUYỀN CHO

Hội sở/Chi nhánh ngân hàng/chi nhánh công ty chứng khoán.....

Địa chỉ:.....

được tham gia vào các hoạt động liên quan đến đăng ký, lưu ký, bù trừ và thanh toán chứng khoán với khách hàng và TTLKCK.

Hội sở/chi nhánh Ngân hàng/chi nhánh công ty chứng khoán..... có nghĩa vụ sau:

- Phải tuân thủ theo các qui định của pháp luật về hoạt động đăng ký, lưu ký, bù trừ và thanh toán chứng khoán.

- Thực hiện các công việc theo ủy quyền và báo cáo cho Ngân hàng/Công ty chứng khoán..... về các công việc có liên quan đến hoạt động đăng ký, lưu ký, bù trừ và thanh toán chứng khoán tại hội sở/chi nhánh.

- Chịu trách nhiệm trước Ngân hàng/Công ty chứng khoán..... về toàn bộ hoạt động đăng ký, lưu ký, bù trừ và thanh toán chứng khoán trong phạm vi được ủy quyền của mình.

....., ngày.... tháng... năm....

TỔNG GIÁM ĐỐC/GIÁM ĐỐC

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Phụ lục: 05/LK

TRUNG TÂM LƯU KÝ CHỨNG KHOÁN

SỐ: /BC-TTLKCK

BÁO CÁO TÌNH HÌNH SỞ HỮU CỦA NHÀ ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI

(Tháng./200....)

1. Đối với chứng khoán niêm yết

STT	Tên tổ chức niêm yết	Mã CK	Số lượng CP Đăng ký	Tỷ lệ được phép nắm giữ		Tỷ lệ % nắm giữ cổ phiếu		Tỷ lệ còn lại %
				Số tuyệt đối	Số tương đối	Đầu kỳ	Cuối kỳ	
1								
2								
3								
Tổng								

2. Đối với chứng khoán của công ty đại chúng chưa niêm yết

STT	Tên Công ty	Mã CK	Số lượng CP Đăng ký	Tỷ lệ được phép nắm giữ		Tỷ lệ % nắm giữ cổ phiếu		Tỷ lệ còn lại %
				Số tuyệt đối	Số tương đối	Đầu kỳ	Cuối kỳ	
1								
2								
3								
Tổng								

NGƯỜI LẬP

TRƯỞNG PHÒNG

GIÁM ĐỐC TTLKCK

Phụ lục: 06/TTLK

ỦY BAN CHỨNG KHOÁN
NHÀ NƯỚC
TRUNG TÂM LƯU KÝ
CHỨNG KHOÁN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG LƯU KÝ CHỨNG KHOÁN
(Tháng.../200...)

A. Chứng khoán niêm yết:

	Số lượng CKLK tại Thành viên			Tỷ lệ lưu ký/tổng giá trị ĐKLK (%)		
	Trong nước	Nước ngoài	Cộng	Trong nước	Nước ngoài	Cộng
I. Cổ phiếu						
Khối lượng						
Giá trị						
II. Trái phiếu						
Khối lượng						
Giá trị						
III. Chứng chỉ quỹ						
Khối lượng						
Giá trị						
Tổng cộng						

B. Chứng khoán của công ty đại chúng chưa niêm yết

	Số lượng CKLK			Tỷ lệ lưu ký/tổng giá trị ĐKLK (%)		
	Trong nước	Nước ngoài	Cộng	Trong nước	Nước ngoài	Cộng
SSI						
a) Cổ phiếu						

	Số lượng CKLK			Tỷ lệ lưu ký/tổng giá trị ĐKLK (%)		
	Trong nước	Nước ngoài	Cộng	Trong nước	Nước ngoài	Cộng
Trong nước						
Ngoài nước						
b) Trái phiếu						
Trong nước						
Ngoài nước						
c) Chứng chỉ quỹ						
Trong nước						
Ngoài nước						
ACB						
.....						

NGƯỜI LẬP

TRƯỞNG PHÒNG

GIÁM ĐỐC TTLKCK

09333796

Phụ lục: 07/LK

TRUNG TÂM LƯU KÝ CHỨNG KHOÁN

Số: /BC-TTLKCK

BÁO CÁO VỀ TÌNH HÌNH MỞ ĐÓNG TÀI KHOẢN

(Tháng.../200...)

STT	TVLK	Số lượng tài khoản			
		Đầu kỳ	Mở trong tháng	Đóng trong tháng	Cuối kỳ
1	SSI				
	Trong nước				
	Nước ngoài				
2	BVSC				
	Trong nước				
	Nước ngoài				
...					
	Tổng cộng				

NGƯỜI LẬP

TRƯỞNG PHÒNG

GIÁM ĐỐC TTLKCK

ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC
TRUNG TÂM LƯU KÝ CHỨNG KHOÁN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BÁO CÁO VỀ THỰC HIỆN QUYỀN LIÊN QUAN ĐẾN CHỨNG KHOÁN
(Báo cáo Quý, năm 200....)

A. Đối với chứng khoán niêm yết

STT	Mã chứng khoán	Loại quyền	Ngày đăng ký cuối cùng	Ngày THQ	Tỷ lệ thực hiện	Số lượng chứng khoán ĐK			Tiền thanh toán cổ tức/ lãi trái phiếu (đồng)	Ghi chú
						Đã LK	Chưa LK	Tổng	Qua TTLK	

B. Đối với chứng khoán của công ty đại chúng

STT	Mã chứng khoán	Loại quyền	Ngày đăng ký cuối cùng	Ngày THQ	Tỷ lệ thực hiện	Số lượng chứng khoán ĐK			Tiền thanh toán cổ tức/ lãi trái phiếu (đồng)	Ghi chú
						Đã LK	Chưa LK	Tổng	Qua TTLK	

NGƯỜI LẬP

TRƯỞNG PHÒNG

GIÁM ĐỐC

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC
TRUNG TÂM LƯU KÝ CHỨNG KHOÁN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BÁO CÁO VỀ HOẠT ĐỘNG CÀM CỔ CHỨNG KHOÁN

ngày..... tháng..... năm 2007

STT	Tên TVLK	Loại CK	SLượng Chứng khoán lưu ký	Chứng khoán cầm cố				Tỷ lệ chứng khoán cầm cố so với chứng khoán lưu ký	Tỷ lệ chứng khoán giải tỏa so với chứng khoán cầm cố
				Số CK cầm cố đầu tháng	Số phát sinh tăng trong tháng	Số phát sinh giảm trong tháng	Số CK còn cầm cố cuối tháng		
	TVLKA	Loại 1							
		Loại 2							
								
		Loại N							
	Tổng								
	Tổng cộng								

NGƯỜI LẬP

TRƯỞNG PHÒNG

GIÁM ĐỐC
(Ký tên, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

Phụ lục: 11/LK

ỦY BAN CHỨNG KHOÁN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
 NHÀ NƯỚC
 TRUNG TÂM LƯU KÝ
 CHỨNG KHOÁN

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BÁO CÁO VỀ QUỸ HỖ TRỢ THANH TOÁN
 (Báo cáo năm 200....)

1. Tình hình đóng góp Quỹ HTTT

STT	Tên TVLK	Doanh số giao dịch môi giới/doanh số thanh toán	Số tiền đóng góp		Tổng cộng
			Đầu kỳ	Cuối kỳ	
1					
2					

2. Tình hình sử dụng Quỹ HTTT

STT	Tên TVLK	Ngày sử dụng Quỹ	Lý do hỗ trợ	Giá trị hỗ trợ	Ghi chú
1					
2					

Nơi nhận:

- Lãnh đạo UBCKNN;
- Ban PTTT;
- Lưu

**GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM LƯU KÝ
 CHỨNG KHOÁN**

Nguyễn Văn A

Phụ lục: 13/LK

TÊN NGÂN HÀNG THANH TOÁN

Kính gửi: Ủy ban chứng khoán Nhà nước

BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG THANH TOÁN BÙ TRỪ CÁC GIAO DỊCH
CHỨNG KHOÁN

(Đến ngày..... tháng..... năm)

1. Các chỉ tiêu

Chỉ tiêu	Đầu kỳ	Cuối kỳ	Tăng/Giảm (%)
Tiền gửi của các thành viên tham gia thị trường			
Tiền gửi thanh toán			
Tiền gửi kỳ hạn			
Tiền gửi tự doanh			
Tiền gửi môi giới			
Tổng			
Số doanh nghiệp mở tài khoản tại NH TT			
Tiền gửi tự doanh			
Tiền gửi môi giới			
Tiền gửi thanh toán bù trừ			
Doanh số thanh toán bù trừ			
Doanh số thanh toán bù trừ của TTGDCK TP. HCM			
Trong nước			

05633796

Chỉ tiêu	Đầu kỳ	Cuối kỳ	Tăng/Giảm (%)
Ngoài nước			
Doanh số thanh toán bù trừ của TTGDCK HN			
Trong nước			
Ngoài nước			

2. Tồn tại, kiến nghị

NGƯỜI LẬP BÁO CÁO

TỔNG GIÁM ĐỐC